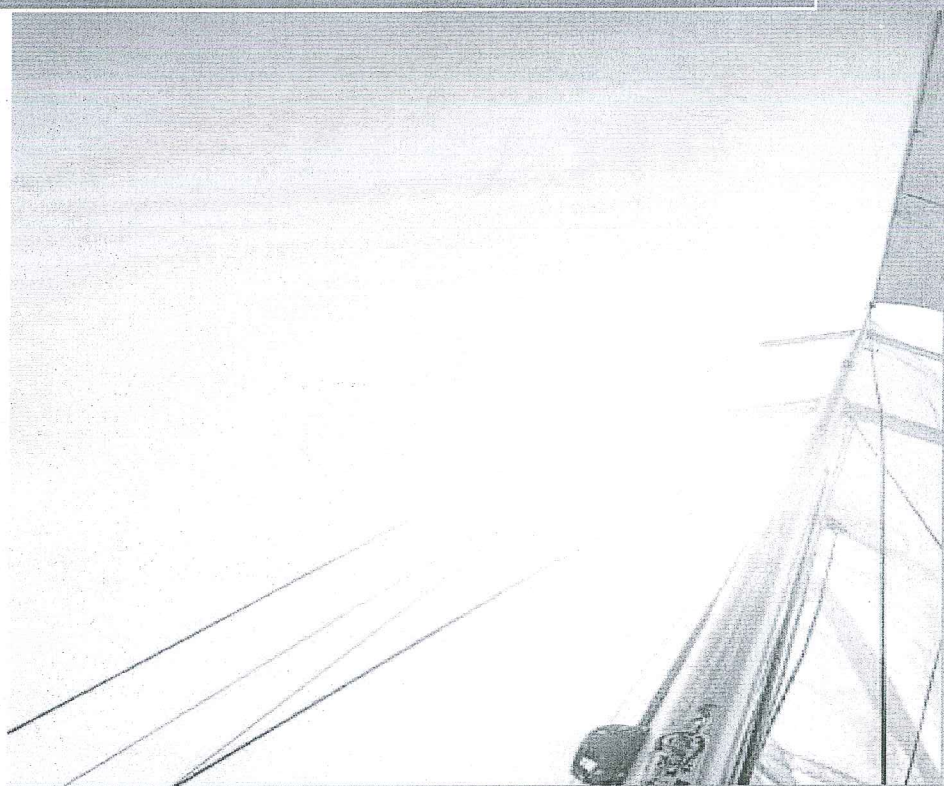


2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG A



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á
Năm báo cáo: 2019

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS)
- Giấy phép hoạt động kinh doanh số 12/GPHĐKD ngày 20/05/2003 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 500.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP.HCM.
- Số điện thoại: (028) 38 336 333
- Số fax: (028) 38 333 891
- Website: www.dag.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS) được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh số 12/GPHĐKD ngày 20/05/2003. Vốn điều lệ ban đầu của DAS là 21 tỷ đồng, do Ngân hàng TMCP Đông Á sở hữu 100% vốn.

Ngày 13/09/2006, UBCKNN đã chấp thuận cho DAS thành lập Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 574/QĐ-UBCK.

Ngày 05/10/2006, DAS tăng vốn điều lệ lên 135 tỷ đồng, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000059 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Ngày 21/11/2007, UBCKNN đã chấp thuận cho DAS thành lập Chi nhánh Đông Sài Gòn theo Quyết định số 640/QĐ-UBCK.

Ngày 12/05/2008, UBCKNN đã chấp thuận cho DAS tăng vốn điều lệ từ 135 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng, theo Giấy phép số 128/UBCK-GP.

Ngày 22/01/2015, UBCKNN đã chấp thuận cho DAS di dời trụ sở chính đến Tầng 2 và 3 tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP.HCM theo Quyết định số 06/GPĐC-UBCK, thay đổi tên và địa chỉ Chi nhánh Đông Sài Gòn thành Chi nhánh Sài Gòn địa chỉ 60, 62, 64, 66, 68, 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM theo Quyết định số 54/QĐ-UBCK.

Ngày 31/12/2015, UBCKNN đã chấp thuận cho DAS rút nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo Giấy phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCKNN.

Ngày 07/07/2016, UBCKNN đã chấp thuận Ông Nguyễn Quốc Toàn – Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật của DAS theo Giấy phép điều chỉnh số 20/GPĐC-UBCK.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

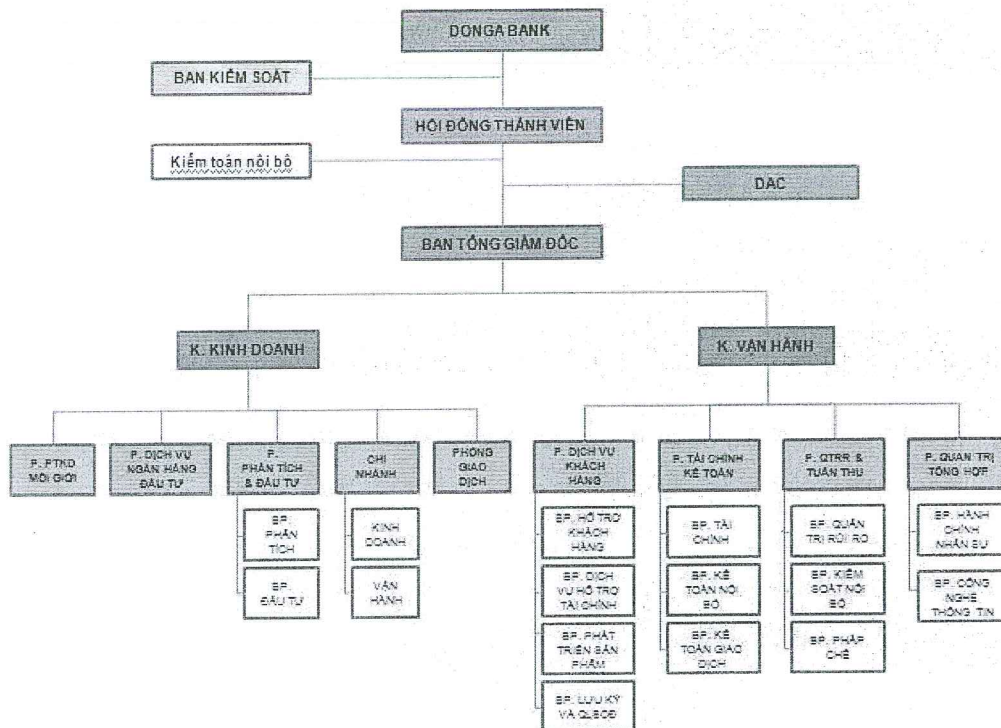
Theo Giấy phép số 128/UBCK-GP và Giấy phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCKNN, DAS được phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán bao gồm:

- Môi giới chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán

Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Theo Quyết định số 257/QĐ-HĐQT-DAB ngày 09/12/2015 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đông Á, cơ cấu tổ chức của DAS như sau:



5. Định hướng phát triển:

Theo HSBC, Việt Nam được cho rằng sẽ hưởng lợi nhiều nhất từ thương chiến Mỹ - Trung trong dài hạn, sau khi chịu tổn thất tạm thời trong thời gian trước mắt. 5% GDP là con số ước lượng lợi ích mà Việt Nam sẽ nhận được nhờ sự dịch chuyển chuỗi sản xuất toàn cầu dưới tác động của thương chiến. Trong khi đó, các quốc gia ASEAN khác hưởng lợi không đáng kể trước dòng dịch chuyển này.

HSBC dự báo Việt Nam sẽ có tốc độ tăng trưởng GDP 6,5% vào năm 2020 sau khi đạt được mục tiêu 6,7% trong năm nay. Hai nền kinh tế lớn nhất thế giới là Mỹ và Trung Quốc cũng được dự báo sẽ có tốc độ tăng trưởng thấp hơn, lần lượt ở mức 1,7% và 5,8% trong năm 2020, so với mức 2,1% và 6,2% sẽ đạt được trong năm nay.

Tuy nhiên do virus Corona chủng mới (COVID-19) đã lây lan khắp thế giới theo cấp số nhân và chưa có dấu hiệu kết thúc. Tính đến ngày 31/03/2020 đã có hơn 780 ngàn ca nhiễm bệnh, gần 38 ngàn ca trong đó đã tử vong. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ giảm tốc đáng kể còn 4,8% do tác động của dịch COVID-19 và sự suy giảm thương mại toàn cầu, theo dự báo được Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) công bố ngày 03/04/2020.

Luật chứng khoán Việt Nam sửa đổi được Quốc Hội thông qua thành luật trong tháng 11/2019). Theo đó, có một vài điểm mà sẽ tác động lớn đến thị trường chứng khoán:

- Việc nâng tiêu chuẩn vốn điều lệ tối thiểu của công ty đại chúng và mức vốn điều lệ tối thiểu để công ty được quyền phát hành thêm cổ phiếu. Điều này giúp hạn chế tình trạng niêm yết vô tội vạ của một lượng lớn các công ty núp bóng niêm yết để huy động vốn trái phép của nhà đầu tư, giúp tạo môi trường minh bạch hơn.
- Tăng quyền cho UBCKNN trong việc xử phạt các vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán cũng như tăng mức phạt đối với hoạt động gian lận chứng khoán nhằm hạn chế tình trạng thao túng giá chứng khoán.
- Điều quan trọng nhất chính là quy định lại việc sở hữu nước ngoài ở các công ty đại chúng và cấu trúc lại hoạt động của trung tâm lưu ký chứng khoán. Điều này sẽ giúp kéo theo một dòng vốn ngoại lớn vào những ngành nghề bị giới hạn lâu nay và giúp TTCK Việt Nam đủ tiêu chuẩn nâng hạng.

Trong khu vực Đông Nam Á thì chứng khoán Việt Nam đang ở mức hấp dẫn nhất so với các đối thủ Thái Lan, Indonesia, Philippines, Malaysia...

Với nhận định tình hình thị trường như trên, Ban lãnh đạo Công ty định hướng sẽ tái cấu trúc toàn diện Công ty, đẩy mạnh mảng Nghiệp vụ Kinh doanh Môi giới, giữ vững thế mạnh của DAS tại mảng Nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư, trong khi vẫn tiếp tục tái cấu trúc danh mục đầu tư. Cụ thể:

▪ **Hoạt động Môi giới:**

- Tập trung đẩy mạnh phát triển hoạt động môi giới thông qua việc mở rộng khai thác các lợi thế của Công ty. Phát triển đa dạng, phong phú các dịch vụ hỗ trợ, đi kèm với hoạt động môi giới. Phát triển đội ngũ nhân viên môi giới có trình độ chuyên môn cao, có lượng khách hàng lớn và giao dịch thường xuyên đặc biệt là thu hút nhân viên môi giới thông qua các chính sách ưu đãi phù hợp.
- Phối hợp với DongA Bank và các Ngân hàng, tổ chức tài chính khác để đa dạng hóa sản phẩm, cung cấp dịch vụ hỗ trợ tài chính (ứng trước, cho vay cầm cố chứng khoán niêm yết...).
- Triển khai các chương trình ưu đãi giao dịch để khuyến khích gia tăng giao dịch của khách hàng môi giới theo từng thời kỳ, mang tính cạnh tranh hơn.

▪ **Dịch vụ Ngân hàng đầu tư (IB):**

- Tiếp tục duy trì thế mạnh truyền thống trong mảng Nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư, đẩy mạnh các hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, đặc biệt là nghiệp vụ tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và tư vấn quản trị cho công ty đại chúng.
- Củng cố và phát huy mối quan hệ với các cơ quan ban ngành để tiếp tục triển khai chào dịch vụ IB (tư vấn cổ phần hóa, IPO, thoái vốn nhà nước...) tại các địa phương, bộ ngành thực hiện;

- Phối hợp DongA Bank cùng cung cấp dịch vụ cho khách hàng hoặc cung cấp các dịch vụ nội bộ cho DongA Bank và các đơn vị trong hệ thống như: phát hành cổ phiếu/ trái phiếu, niêm yết/đăng ký giao dịch...

- **Hoạt động Đầu tư tự doanh:**

- Tiếp tục tái cấu trúc danh mục đầu tư nhằm thu hồi vốn phục vụ cho các hoạt động dịch vụ khác tại DAS, đặc biệt thanh lý các khoản đầu tư tồn đọng trong nhiều năm và không hiệu quả.

6. Các rủi ro:

Mặc dù năm 2020 có nhiều dự báo khả quan về tình hình kinh tế vĩ mô, cũng như triển vọng của thị trường chứng khoán, nhưng việc dự phòng và đánh giá đầy đủ các yếu tố rủi ro tiềm ẩn vẫn sẽ luôn là điều cần thiết trong công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh tại các công ty chứng khoán.

- **Rủi ro kinh tế:**

- Bên cạnh những thuận lợi, kinh tế năm 2020 vẫn còn nhiều rủi ro đến từ môi trường chính sách trong nước. Trong đó, có thể kể đến áp lực đối với tỷ giá và lãi suất trong nước khi USD và lãi suất ở Mỹ tăng... Ngoài ra, rủi ro lạm phát do thâm hụt ngân sách Nhà nước kéo dài khiến tăng giá các mặt hàng, dịch vụ nhà nước kiểm soát giá; tăng lương, chi phí cho doanh nghiệp.
- Theo đánh giá của nhóm nghiên cứu Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, trường hợp dịch COVID-19 kéo dài đến hết tháng 06/2020, tình hình sẽ trở nên tồi tệ khi chỉ còn 14,9% DN duy trì được hoạt động, 46,6% DN tiếp tục cắt giảm quy mô, 32,4% sẽ tạm dừng hoạt động và 6,1% DN đứng trên bờ vực phá sản. Các DN kỳ vọng Chính phủ tập trung nhiều giải pháp để nhanh chóng kiểm soát dịch bệnh. Thực hiện giảm thuế, miễn thuế, chi phí thuê mặt bằng thay vì chi là giãn, tạm hoãn. Nhanh chóng triển khai các chính sách hỗ trợ đã ban hành và có giải pháp bình ổn giá nguyên vật liệu, ngừng các hoạt động thanh tra kiểm tra trong thời gian này, ổn định lạm phát.

- **Rủi ro thị trường:**

- Tuy xu hướng thị trường năm 2020 được dự báo tích cực, nhưng thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung vẫn còn là thị trường khá non trẻ và thường bị tác động mạnh bởi những yếu tố tiêu cực bên ngoài. Vì vậy, DAS vẫn sẽ tập trung theo sát diễn biến tình hình thị trường và có những phân tích, đánh giá cập nhật xu hướng biến động của thị trường, để có định hướng và chiến lược kinh doanh linh hoạt, phù hợp với từng kịch bản khác nhau có thể xảy ra.

- **Rủi ro hoạt động:**

- Do đặc thù ngành, các công ty chứng khoán có thể đối mặt với các rủi ro trong quá trình hoạt động, khi thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh. Các rủi ro này nếu không được kiểm soát hiệu quả có thể gây tổn thất cả về tài chính và uy tín đối với các công ty.
- Để hạn chế các rủi ro, DAS rất chú trọng và có sự đánh giá, chọn lọc rất kỹ lưỡng ngay từ khâu đầu vào. Ngoài ra, công ty cũng liên tục đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ của bộ phận chuyên trách quản trị rủi ro, đồng thời thiết lập những quy định phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của mỗi cá nhân, mỗi

bộ phận nhằm quản lý một cách chặt chẽ và hiệu quả các rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh của công ty.

▪ **Rủi ro thanh toán:**

- Rủi ro do yếu tố thanh khoản của thị trường đã giảm đáng kể trong năm 2019, cùng với tình trạng ổn định dần của nền tài chính – tín dụng, và quá trình siết chặt quản lý các công ty chứng khoán yếu kém của các cơ quan chuyên ngành.
- DAS cam kết tuân thủ chặt chẽ các quy định về quản lý tài khoản nhà đầu tư và quy định về xây dựng hệ thống quản trị rủi ro của cơ quan quản lý. Bên cạnh đó, ở góc độ hoạt động kinh doanh của công ty, DAS luôn kiểm soát nghiêm ngặt các nghiệp vụ liên quan, nhằm đảm bảo mức độ an toàn cao nhất cho tài khoản của các nhà đầu tư, cũng như đảm bảo năng lực thanh toán của công ty đối với các nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường chứng khoán.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động kinh doanh:

Doanh thu năm 2019 đạt hơn 22,4 tỷ đồng, tăng gần 7,2 tỷ đồng (+47%yoy) và thực hiện được 77% Kế hoạch 2019, doanh thu tăng chủ yếu ở hoạt động đầu tư góp vốn và doanh thu khác.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán đạt gần 4,5 tỷ đồng, giảm gần 0,9 tỷ đồng (-16,7%yoy). Mặc dù doanh thu hoạt động môi giới giảm nhưng nếu xét từ lúc triển khai lại hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ vào tháng 06/2019, doanh thu hoạt động môi giới khả quan hơn, cụ thể là tăng 17,2% so với cùng kỳ năm trước. Hiện nay, Công ty vẫn đang trong giai đoạn tìm kiếm nguồn khách hàng do đó đã thực hiện nhiều chính sách ưu đãi phí giao dịch cũng như ưu đãi lãi suất dịch vụ giao dịch ký quỹ nhằm thu hút khách hàng mới cũng như khách hàng cũ quay trở lại giao dịch tại DAS, tuy nhiên do tình hình chung của thị trường trong thời gian gần đây không kích thích nhà đầu tư giao dịch do đó doanh thu hoạt động môi giới cũng như doanh thu hỗ trợ tài chính của DAS không đạt như kỳ vọng.

Doanh thu hoạt động đầu tư, góp vốn trong năm đạt gần 5,2 tỷ đồng tăng 4,7 tỷ đồng (+1094%yoy) và phần tăng này chủ yếu tập trung ở đánh giá chênh lệch tăng các khoản đầu tư. Năm 2019 Công ty thực hiện đánh giá chênh lệch tăng và ghi nhận 3,8 tỷ đồng doanh thu từ đánh giá chênh lệch tăng trong khi đó năm 2018 ghi nhận âm doanh thu phần này là 0,37 tỷ đồng. Ngoài ra doanh thu từ cổ tức và lãi thoái vốn năm 2019 cũng tăng 70% so với năm 2018.

Doanh thu hoạt động tư vấn năm 2019 đạt gần 2,3 tỷ đồng, giảm 70 triệu đồng (-3%yoy).

Doanh thu hoạt động khác năm 2019 đạt 9,6 tỷ đồng tăng 3,5 tỷ đồng (+58%yoy), trong đó bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng 7,8 tỷ đồng (+32%yoy), doanh thu phí ứng trước tiền bán chứng khoán và doanh thu lãi giao dịch ký quỹ gần 1,8 tỷ đồng.

Tổng chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty năm 2019 gần 22,3 tỷ đồng tăng 11,7 tỷ đồng (+110%yoy) và tương đương 97,2% Kế hoạch năm 2019. Chi phí tăng nguyên nhân do trong kỳ Công ty thực hiện ghi nhận lỗ từ việc thoái vốn gần 2,4 tỷ đồng (trong đó lỗ từ khoản đầu tư vào công ty con gần 0,6 tỷ đồng, lỗ từ thoái vốn các khoản đầu tư khác gần 1,8 tỷ đồng) đồng thời hoàn nhập dự phòng 0,5 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm trước phát sinh lỗ từ thoái vốn là 18,2 tỷ đồng nhưng hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư lên đến gần 26,8 tỷ đồng.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019: DAS lãi 181 triệu đồng (-96%/yoy) và chỉ thực hiện được 2,9% Kế hoạch năm 2019.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban Tổng Giám đốc

❖ Ông Dương Thế Quang – Tổng Giám đốc:

- Từ 21/09/2017 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á.
- Từ năm 2014 đến năm 2017: Tổng Giám đốc Công ty QLQ đầu tư Sao Vàng.
- Từ năm 2010 đến năm 2014: Giám đốc đầu tư Công ty QLQ Vina Wealth.
- Từ năm 2008 đến năm 2010: Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt.
- Từ năm 2007 đến năm 2008: Tổng Giám đốc trụ bị Công ty Cổ phần Chứng khoán Kinh Đô.
- Từ năm 2004 đến năm 2007: Giám đốc đầu tư Công ty Cổ phần Kinh Đô.
- Từ năm 2000 đến năm 2003: Giám đốc thị trường vốn Công ty Cổ phần TVH.
- Từ năm 1996 đến năm 1999: Trưởng phòng tín dụng Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Cần Thơ.

2.2. Những thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc: Không có

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31/12/2019 là 76 người (năm 2018 là 62 người).

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
<i>Phân theo giới tính</i>		
Nam	20	29
Nữ	42	47
<i>Phân theo trình độ</i>		
Đại học, trên đại học	50	65
Cao đẳng, trung cấp	5	5
Khác	7	6

Để thực hiện định hướng phát triển bền vững, DAS luôn khuyến khích và hỗ trợ CBNV trong việc nâng cao kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin thường xuyên liên tục để phục vụ tốt nhất cho công việc. Các nhân viên nghiệp vụ đều được trang bị đầy đủ kiến thức về chứng khoán và thị trường chứng khoán, và được UBCKNN cấp chứng chỉ hành nghề. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo nội bộ để phát huy kỹ năng giao tiếp, tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề cho CBNV.

Song song với công tác đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, Công ty cũng rất chú trọng việc phổ biến các giá trị cốt lõi của DongA Bank kết hợp với các đặc trưng văn hóa của Công ty nhằm đạt được mục tiêu chung của tập đoàn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

Trong năm Công ty không thực hiện các khoản đầu tư mới nào, chỉ tập trung thoái vốn và tái cấu trúc danh mục đầu tư để thu hồi vốn phục vụ cho các hoạt động dịch vụ khác.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

DAS có 01 công ty thành viên là Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á (DAC) với tỷ lệ sở hữu 100% vốn (đã giải thể trong năm 2019-2020).

- Vốn điều lệ: 30 tỷ đồng.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
- DAC được UBCKNN phê duyệt tạm ngưng hoạt động kể từ ngày 23/01/2015 đến ngày 23/01/2016 theo Quyết định số 59/QĐ-UBCK ngày 23/01/2015, lý do: tạm ngưng hoạt động tự nguyện.
- DAC được UBCKNN phê duyệt gia hạn tạm ngưng hoạt động đến ngày 23/01/2017 theo Quyết định số 451/QĐ-UBCK ngày 05/05/2016.
- Ngày 20/12/2016, DAC đã nộp trực tiếp cho UBCKNN công văn khôi phục hoạt động của DAC và sau đó bổ sung các hồ sơ khôi phục hoạt động DAC, điều chuyển nhân sự từ DAS sang DAC nhằm đáp ứng các điều kiện về việc khôi phục hoạt động của DAC theo quy định của pháp luật.
- Ngày 15/02/2017, UBCKNN cũng đã có Công văn số 809/UBCK-QLQ yêu cầu DAC bổ sung một số hồ sơ liên quan đến việc khôi phục hoạt động theo quy định.
- Ngày 10/03/2017, DAC đã gửi bổ sung các hồ sơ còn thiếu và có công văn giải trình một số nội dung đối với hồ sơ khôi phục hoạt động của DAC gửi UBCKNN.
- Ngày 15/08/2018, UBCKNN đã có Công văn số 5069/UBCK-QLQ về việc thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động DAC.
- Ngày 27/11/2018, DAC đã gửi UBCKNN Giấy đề nghị giải thể kèm Phương án giải thể công ty.
- Ngày 13/03/2019, UBCKNN đã gửi Công văn số 1601/UBCK-QLQ về việc giải thể DAC, xác nhận việc giải thể của DAC đồng thời đề nghị DAC tổ chức thực hiện thanh lý tài sản, giải thể công ty và thông báo kết quả thanh lý tài sản, giải thể công ty theo quy định của Pháp luật.
- Ngày 02/03/2020, UBCKNN đã ra Quyết định số 134/QĐ-UBCK về việc thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	209.994.146.030	209.612.844.923	-0,18
Tổng doanh thu	15.263.891.535	22.429.892.088	+46,9
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.674.396.480	181.216.248	-96,1
Lợi nhuận trước thuế	4.674.396.480	181.216.248	-96,1
Lợi nhuận sau thuế	4.674.396.480	181.216.248	-96,1

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	29,09	39,9	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	15,47	21,7	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,02	0,02	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,02	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Doanh thu / Tổng tài sản	0,07	0,11	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu	0,31	0,008	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0,02	0,0009	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,02	0,0009	
+ Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu	0,31	0,008	

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

5.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không vi phạm.

- Tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không vi phạm.

5.2. Chính sách liên quan đến người lao động

- Tính đến ngày 31/12/2019, Công ty có 76 nhân viên (31/12/2018 có 62 nhân viên).
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.
- DAS luôn đặt nhân viên là trọng tâm chiến lược phát triển, người lao động luôn được hưởng những lợi ích tốt nhất.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tổng cục Thống kê cho biết năm 2019, GDP Việt Nam tăng 7,02%. Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7%.

Giá trị xuất khẩu của Việt Nam đạt 263,45 tỷ USD, tăng 8,1% so với năm trước; nhập khẩu đạt 253,51 tỷ USD, tăng 7%. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt gần 517 tỷ USD.

Nhìn chung các chỉ tiêu kinh tế xã hội trong năm 2019 được hoàn thành một cách xuất sắc, nhiều chỉ tiêu vượt mức kế hoạch Quốc hội đề ra, giúp ổn định tình hình vĩ mô, thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường Việt Nam.

Ảnh hưởng tiêu cực của cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung đã tác động lên tất cả các thị trường hàng hóa trên thế giới trong đó có thị trường chứng khoán Việt Nam. Nhà đầu tư lo ngại tăng trưởng chậm dẫn đến việc rút vốn khỏi các tài sản rủi ro như cổ phiếu đã chi phối không chỉ thị trường tài chính trong nước mà hầu như toàn bộ các thị trường trên thế giới. Dù vậy, sau một năm 2018 nhiều mất mát, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2019 đã có sự phục hồi nhẹ, chỉ số VN-Index tăng 7,7% lên 960,99 điểm, ngược lại chỉ số HNX-Index giảm 1,6% xuống còn 102,51 điểm. Tuy nhiên thanh khoản thị trường sụt giảm hơn 40% về khối lượng, tổng giá trị giao dịch giảm hơn 30% so với cùng kỳ. Thanh khoản duy trì ở mức thấp phản ánh tâm lý thận trọng của các nhà đầu tư trước những thông tin bất lợi từ cuộc chiến thương mại Mỹ Trung và tình hình kém khả quan của kinh tế toàn cầu.

Trong những năm vừa qua, DAS tiếp tục công tác tự tái cấu trúc và đã mang lại những kết quả rất đáng ghi nhận. Thu nhập của Khối Kinh doanh được gắn với doanh thu mang lại cho Công ty, Khối Vận hành được định biên sắp xếp lại và chuẩn hóa, hỗ trợ cho việc đẩy mạnh kinh doanh trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt giữa các công ty chứng khoán khác và nâng cao quản trị rủi ro trong hoạt động của Công ty.

Một số thành tựu nổi bật trong năm 2019:

- Đối với nghiệp vụ **Môi giới**, số lượng tài khoản mở mới trong năm 2019 là 590 tài khoản, tương đương 122% so với cùng kỳ năm 2018, doanh thu phí năm 2019 đạt 4,48 tỷ đồng, tương đương 83% so với cùng kỳ năm 2018. Thị phần Môi giới năm 2019 là 0,12%, tương đương 120% so với mức 0,10% của năm 2018. DAS vẫn tiếp tục thực hiện đầy mạnh triển khai chính sách, cách thức chăm sóc khách hàng theo hướng mới đồng thời mở rộng thêm các kênh chăm sóc khách hàng qua facebook, zalo,... và tuyển dụng thêm nhân viên phát triển kinh doanh môi giới với mục đích cung cấp thông tin thị trường và quan điểm đầu tư của DAS, đồng thời phát triển đội ngũ tư vấn chăm sóc khách hàng một cách nhanh nhất và hiệu quả nhất. Mục

tiêu của DAS hướng khách hàng tới việc đầu tư theo giá trị và đem đến cho khách hàng sự hài lòng và hiệu quả nhất.

- Đối với dịch vụ **Ngân hàng đầu tư (IB)**: Trong tình hình một số hợp đồng cổ phần hóa và thoái vốn ở TP.HCM bị tạm dừng thực hiện, IB đã tích cực triển khai chào các dịch vụ khác (quản trị công ty, tư vấn phát hành, niêm yết...) trên phần mềm Infusion soft, tăng cường chào dịch vụ ở các tỉnh thành khác, cũng như nỗ lực hoàn thiện chất lượng dịch vụ để chăm sóc và giữ mối quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng cũ. Bên cạnh đó, IB đẩy mạnh giới thiệu dịch vụ đại lý đầu giá trên trang Facebook của DAS, cải thiện hiển thị tin tức liên quan đầu giá trên website DAS để cung cấp tiện ích cho khách hàng.
- Trong năm 2019 DAS đã tích cực tìm kiếm các cơ hội để thoái vốn nhằm mục đích đưa tỷ lệ đầu tư về mức quy định như yêu cầu của DongA Bank, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước... và thực hiện bán các khoản sau:
 - ✓ Thoái vốn 45.000 cổ phần CTCP Địa ốc 10 (RES10).
 - ✓ Thoái vốn 93.600 cổ phần CTCP Cấp nước Bến Thành (BTW).

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản năm 2019 của DAS đạt gần 210 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn chiếm 81,7% với giá trị 171,3 tỷ đồng.

Tổng tài sản trong năm 2019 giảm 0,18 % so với cùng kỳ năm 2018, từ 210 tỷ đồng xuống 209,6 tỷ đồng. Trong đó, tài sản dài hạn giảm từ 68,9 tỷ đồng xuống còn 38,3 tỷ đồng, tài sản ngắn hạn tăng từ 141,1 tỷ đồng lên 171,3 tỷ đồng.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Kết thúc năm 2019, nợ phải trả của DAS là gần 4,29 tỷ đồng, giảm 11,5% so với nợ phải trả năm 2018, chiếm khoảng 2,0% tổng nguồn vốn. Công ty hoàn toàn không có vay nợ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Không có

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1. Tình hình kinh tế vĩ mô:

Bước sang năm 2020, nhằm tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, tạo nền tảng để tiếp tục tái cơ cấu nền kinh tế theo chiều hướng mũi nhọn chuyên sâu hơn, Chính phủ nhiều khả năng sẽ vẫn duy trì các chính sách tài khóa và tiền tệ theo chiều hướng linh hoạt hơn nhằm đẩy mạnh nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trước các cơ hội và thách thức đang đến.

Bức tranh kinh tế 2020 Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục phát triển. Khu vực kinh tế FDI và xuất khẩu được dự báo sẽ là đầu tàu của sự phát triển thị trường Việt Nam.

Để đón nhận những triển vọng kinh tế tốt trong năm 2020, Việt Nam phải tiếp tục cải cách thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh một cách mạnh mẽ. Từ đó nâng cao mức độ và quy mô cạnh tranh của thị trường và tự đảm bảo môi trường kinh doanh công bằng và bình đẳng của tất cả thành phần kinh tế.

Thị trường chứng khoán Việt Nam 2020 được dự báo sẽ gặp nhiều khó khăn nhưng nhiều khả năng sẽ hồi phục và tăng trưởng. Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn đầu tư khi Việt Nam có lợi thế cạnh tranh là nền kinh tế tiếp tục ổn định, hoạt động tái

cơ cấu nền kinh tế sẽ được đẩy mạnh, trọng tâm là hệ thống ngân hàng và hiệu quả của khối doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hoá được nâng cao. Tăng trưởng mạnh về kinh tế sẽ giúp hỗ trợ hoạt động các doanh nghiệp, tập trung vào các ngành có chu kỳ phát triển tương quan với sự cải thiện của nền kinh tế như: Bất động sản, vật liệu xây dựng, ô tô và phụ tùng, tiêu dùng và phi tiêu dùng, dệt may, Logistic,...

4.2. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

DAS sẽ tập trung đẩy mạnh phát triển hoạt động môi giới thông qua việc mở rộng khai thác các lợi thế về công nghệ, nhân sự, trình độ quản lý, cũng như sự hậu thuẫn từ ngân hàng mẹ, DongA Bank.

Phát triển đa dạng, phong phú các dịch vụ hỗ trợ, đi kèm với hoạt động môi giới, nhằm gia tăng các tiện ích cho khách hàng.

Duy trì hiệu quả hoạt động quản trị rủi ro, nhằm đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định của cơ quan quản lý, đồng thời kiểm soát được mức độ rủi ro cùng với quá trình mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tiếp tục duy trì thế mạnh truyền thống trong dịch vụ ngân hàng đầu tư nhằm mở rộng các hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp như tư vấn phát hành, niêm yết chứng khoán cho mảng doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ, cũng như tiếp tục duy trì nghiệp vụ tư vấn cổ phần hóa/thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước.

IV. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

(Xem tài liệu đính kèm)

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á
TUỢ. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC



DUƠNG THẾ QUANG

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính riêng	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động riêng	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	12 - 14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng	15
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	16 - 56

05
AC
M
INC
V

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104000059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 5 năm 2003 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 12/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 5 năm 2003 và theo các Giấy phép Hoạt động Kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy phép Hoạt động Kinh doanh điều chỉnh số</u>	<u>Nội dung thay đổi</u>	<u>Ngày cấp</u>
316/QĐ-UBCK	Thay đổi về tên và địa chỉ trụ sở chính	Ngày 16 tháng 5 năm 2007
128/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 500.000.000.000 đồng, bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán	Ngày 12 tháng 5 năm 2008
06/GPĐC-UBCK	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính đến 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP.HCM	Ngày 22 tháng 1 năm 2015
59/GPĐC-UBCK	Rút nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
20/GPĐC-UBCK	Thay đổi người đại diện theo pháp luật	Ngày 7 tháng 7 năm 2016
67/GPĐC-UBCK	Thay đổi thông tin cá nhân người đại diện theo pháp luật	Ngày 1 tháng 11 năm 2019

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký và quản lý sổ cổ đông, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có trụ sở chính đặt tại số 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và 2 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu riêng là 205.324.082.416 VND và tổng tài sản riêng là 209.612.844.923 VND.

Công ty con

Công ty sở hữu 100% vốn đối với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á ("DAC") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép số 20/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày ngày 24 tháng 9 năm 2007. DAC có trụ sở chính tại số 56 - 58 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, UBCKNN đã gửi DAC Công văn số 1601/UBCK-QLQ về việc giải thể DAC, xác nhận việc giải thể của DAC đồng thời đề nghị DAC tổ chức thực hiện thanh lý tài sản, giải thể công ty và thông báo kết quả thanh lý tài sản, giải thể công ty theo quy định của Pháp luật.

Ngày 2 tháng 5 năm 2019, Công ty đã thực hiện thoái vốn khỏi DAC. Theo đó, DAC đã thực hiện chuyển toàn bộ tài sản ròng còn lại về Công ty, đồng thời Biên bản xác định trách nhiệm pháp lý sau giải thể ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Công ty đã xác định toàn bộ nghĩa vụ tài chính (nếu có) phát sinh sau đó của DAC sẽ do Công ty, thông qua người đại diện theo pháp luật là Ông Nguyễn Quốc Toàn, chịu trách nhiệm. Ngày 23 tháng 10 năm 2019, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Thông báo số 20995/TB-CT thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế của DAC kể từ ngày 23 tháng 10 năm 2019. Theo đó, ngày 2 tháng 3 năm 2020, UBCKNN đã ban hành Quyết định số 134/QĐ-UBCK, quyết định thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của DAC.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Quốc Toàn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 8 năm 2015
Ông Ngô Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2014
Ông Lương Ngọc Quý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Hoàng Diễm Châu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày tái bổ nhiệm</u>
Ông Dương Thế Quang	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 9 năm 2018
Bà Lê Thị Như Nguyệt	Kế toán Trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này là ông Nguyễn Quốc Toàn, Chủ tịch Hội đồng Thành viên.

Ông Dương Thế Quang - Tổng Giám đốc được ông Nguyễn Quốc Toàn ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Giấy Ủy quyền số 13/2018/UQ-DAS ngày 18 tháng 9 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Ông Dương Thế Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020



Số tham chiếu: 61327095/21278778

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á ("Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 56, bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến:

- (i) Thuyết minh 1, Công ty có một công ty con là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á ("DAC"). Ngày 13 tháng 3 năm 2019, UBCKNN đã gửi DAC công văn số 1601/UBCK-QLQ về việc giải thể DAC, xác nhận việc giải thể của DAC đồng thời đề nghị DAC tổ chức thực hiện thanh lý tài sản, giải thể công ty và thông báo kết quả thanh lý tài sản, giải thể công ty theo quy định của Pháp luật. Ngày 2 tháng 3 năm 2020, UBCKNN đã ban hành Quyết định số 134/QĐ-UBCK, quyết định thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của DAC.
- (ii) Thuyết minh 12, theo quy định tại khoản 3, Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC, theo đó, công ty chứng khoán không được sử dụng quá 70% vốn chủ sở hữu để góp vốn đầu tư vào các tổ chức khác, trong đó đầu tư vào các công ty chưa niêm yết không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, tỷ lệ đầu tư vào các tổ chức khác và công ty chưa niêm yết của Công ty lần lượt là 75% và 73% (Ngày 1 tháng 1 năm 2019: 75% và 73%) vốn chủ sở hữu của Công ty, vượt giới hạn đầu tư theo quy định.
- Đồng thời, cũng theo hai Thông tư nêu trên, công ty chứng khoán không được sử dụng quá 15% vốn chủ sở hữu để góp vốn vào một tổ chức khác. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, tỷ lệ đầu tư của Công ty vào một tổ chức chưa niêm yết là 16% (Ngày 1 tháng 1 năm 2019: 16%) vốn chủ sở hữu của Công ty.
- Việc vượt tỷ lệ đầu tư tối đa theo quy định chủ yếu do các khoản đầu tư phát sinh từ các năm trước. Công ty đã có văn bản giải trình với UBCKNN về vấn đề này và đang thực hiện các biện pháp xử lý nhằm giảm tỷ lệ đầu tư về đúng mức quy định.
- (iii) Thuyết minh 2.1, Công ty có duy nhất một công ty con là DAC và đã hoàn thành việc thoái vốn đầu tư vào công ty con này vào ngày 2 tháng 5 năm 2019. Theo quy định tại Điều 48, Thông tư số 202/2014/TT-BTC - Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty không phải lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ý kiến của chúng tôi về công tác kiểm toán báo cáo tài chính riêng không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị Dương
Phụ Hống Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0893-2018-004-1

Vũ Tiến Dũng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		171.328.751.723	141.136.660.011
110	I. Tài sản tài chính		170.421.249.037	140.378.997.877
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	11.316.328.698	75.053.973.590
111.1	a. Tiền		2.116.328.698	16.853.973.590
111.2	b. Các khoản tương đương tiền		9.200.000.000	58.200.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	6.1	74.842.857.817	42.943.147.448
114	3. Các khoản cho vay	6.2	81.657.763.106	830.952.000
117	4. Các khoản phải thu	7	16.916.567.279	16.208.166.027
117.1	a. Phải thu bán các tài sản tài chính		15.252.400.000	15.252.400.000
117.2	b. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		1.664.167.279	955.766.027
118	5. Trả trước cho người bán		126.007.500	245.950.000
119	6. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	10.853.333.754	10.916.891.827
122	7. Các khoản phải thu khác	9	32.137.490.983	51.582.159.688
129	8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	10	(57.429.100.100)	(57.402.242.703)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		907.502.686	757.662.134
131	1. Tạm ứng		137.243.990	102.440.200
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	295.984.999	186.006.160
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		13.500.000	8.500.000
135	4. Thuế GTGT được khấu trừ		335.468	277.545
136	5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		460.438.229	460.438.229
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		38.284.093.200	68.857.486.019
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		25.495.996.469	56.709.468.182
212	1. Các khoản đầu tư dài hạn	12	138.027.158.556	170.268.158.556
212.2	a. Đầu tư vào công ty con		-	30.000.000.000
212.4	b. Đầu tư dài hạn khác		138.027.158.556	140.268.158.556
213	2. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính dài hạn	12	(112.531.162.087)	(113.558.690.374)
220	II. Tài sản cố định		727.431.230	378.404.230
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	364.560.000	130.740.000
222	a. Nguyên giá		15.395.520.438	14.123.383.883
223a	b. Giá trị hao khấu hao lũy kế		(15.030.960.438)	(13.992.643.883)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	362.871.230	247.664.230
228	a. Nguyên giá		15.867.536.934	15.398.536.934
229a	b. Giá trị hao mòn lũy kế		(15.504.665.704)	(15.150.872.704)
250	III. Tài sản dài hạn khác		12.060.665.501	11.769.613.607
252	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	67.776.818	118.534.818
254	2. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	11.992.888.683	11.651.078.789
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		209.612.844.923	209.994.146.030

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.288.762.507	4.851.279.862
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		4.288.762.507	4.851.279.862
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	175.352.334	143.947.718
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn	17	105.006.773	210.817.074
321	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	1.110.162.000	1.604.162.000
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	446.319.838	377.712.980
323	5. Phải trả người lao động	20	853.558.937	889.396.150
324	6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		250.961.048	439.503.848
325	7. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	420.549.914	261.534.000
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	22	925.859.466	916.213.895
331	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	992.197	7.992.197
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		205.324.082.416	205.142.866.168
410	I. Vốn chủ sở hữu		205.324.082.416	205.142.866.168
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	24.1	500.000.000.000	500.000.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		8.902.712.767	8.902.712.767
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		8.902.712.768	8.902.712.768
416	4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.770.434.156	11.770.434.156
417	5. Lỗi lũy kế	24.2	(324.251.777.275)	(324.432.993.523)
417.1	a. Lỗi đã thực hiện		(316.725.830.515)	(313.581.176.394)
417.2	b. Lỗi chưa thực hiện		(7.525.946.760)	(10.851.817.129)
440	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		209.612.844.923	209.994.146.030

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
008	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Công ty	25.1	16.097.630.000	17.033.360.000
012	2. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Công ty	25.2	72.390.130.000	72.477.210.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư	25.3	2.050.323.530.000	2.177.834.930.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		1.901.988.240.000	1.796.809.510.000
021.3	b. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		114.378.610.000	356.099.020.000
021.4	c. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		26.063.410.000	21.867.970.000
021.5	d. Tài sản tài chính chờ thanh toán		7.893.270.000	3.058.430.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	25.4	5.224.590.000	15.390.800.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		4.941.640.000	14.807.850.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		-	300.000.000
022.4	c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		282.950.000	282.950.000

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	3. Tiền gửi của khách hàng		81.606.251.161	80.859.095.755
027	a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.5	66.826.436.210	75.536.928.227
028	b. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	25.5	13.433.982.025	3.880.407.896
029	c. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		2.457.080	2.276.846
029.1	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	25.5	1.000.000	1.000.000
029.2	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	25.5	1.457.080	1.276.846
030	d. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	25.6	1.343.375.846	1.439.482.786
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.7	80.262.875.315	79.419.612.969
031.1	a. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		79.946.597.493	79.127.836.474
031.2	b. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		316.277.822	291.776.495
035	5. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	25.8	1.343.375.846	1.439.482.786



Bà Huỳnh Thị Thanh Trà
Người lập



Bà Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán Trưởng




Ông Dương Thế Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		11.986.224.011	5.127.329.217
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	26.1	600.410.000	701.020
01.2	b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	26.2	3.800.959.590	(369.022.090)
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	26.3	7.584.854.421	5.495.650.287
03	2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	26.3	1.795.233.884	141.020.422
06	3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	26.4	4.482.420.434	5.381.769.591
09	4. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	26.4	880.943.948	1.018.000.176
10	5. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	26.4	2.258.750.577	2.328.645.593
11	6. Thu nhập từ hoạt động khác	26.4	11.525.743	10.926.000
20	Cộng doanh thu hoạt động		21.415.098.597	14.007.690.999
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		2.243.589.221	271.500.949
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	26.1	1.768.500.000	18.200.363.240
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	26.2	475.089.221	(17.928.862.291)
26	2. Chi phí hoạt động tự doanh		635.250.299	674.813.255
27	3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	28	5.593.437.629	4.511.306.744
30	4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	28	1.278.713.645	1.553.840.944
31	5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	28	1.465.878.750	1.520.338.865
32	6. Chi phí các dịch vụ khác	28	88.636.900	518.101.893
40	Cộng chi phí hoạt động		11.305.506.444	9.049.902.650
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	27	1.014.793.491	1.256.200.536
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		1.014.793.491	1.256.200.536
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
53	1. Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con	29	622.614.420	-
54	2. Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	29	(1.027.528.287)	(9.360.775.709)
55	3. Chi phí khác	29	11.000	-
60	Cộng chi phí tài chính		(404.902.867)	(9.360.775.709)

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	30	10.941.327.736	10.900.368.114
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		587.960.775	4.674.396.480
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		6.409.090	-
72	2. Chi phí khác		413.153.617	-
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(406.744.527)	-
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		181.216.248	4.674.396.480
91	1. Lỗ đã thực hiện		(3.144.654.121)	(12.885.443.721)
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		3.325.870.369	17.559.840.201
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")	31	-	-
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-
100.2	2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
200	X. LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		181.216.248	4.674.396.480
300	XI. THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG KHÁC SAU THUẾ TNDN		-	-
400	Tổng thu nhập toàn diện riêng		181.216.248	4.674.396.480

Bà Huỳnh Thị Thanh Trà
Người lập

Bà Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán Trưởng



Ông Dương Thế Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B03a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính		(707.302.513.570)	(566.147.702.263)
02	2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính		598.974.772.464	556.855.816.094
04	3. Cổ tức đã nhận		558.596.050	386.878.760
05	4. Tiền lãi đã thu		8.578.624.484	5.461.751.980
07	5. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho công ty chứng khoán		(1.672.300.317)	(2.029.040.891)
08	6. Tiền chi trả cho người lao động		(10.535.813.489)	(10.151.162.954)
09	7. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán	18	(2.017.672.162)	(2.522.703.337)
10	8. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các tài sản tài chính		(25.768.216)	(191.826.283)
11	9. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		26.958.206.767	8.865.708.542
12	10. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.145.524.012)	(5.264.504.369)
20	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(92.629.392.001)	(14.736.784.721)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	13, 14	(631.570.000)	(257.017.230)
22	2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		6.409.090	-
24	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con		29.309.461.619	-
25	4. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn	27	207.446.400	414.075.140
30	Tiền thuần từ hoạt động đầu tư		28.891.747.109	157.057.910
50	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(63.737.644.892)	(14.579.726.811)
60	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	4	75.053.973.590	89.633.700.401
61	Tiền		16.853.973.590	1.533.700.401
62	Các khoản tương đương tiền		58.200.000.000	88.100.000.000
70	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	4	11.316.328.698	75.053.973.590
71	Tiền		2.116.328.698	16.853.973.590
72	Các khoản tương đương tiền		9.200.000.000	58.200.000.000

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B03a-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		666.518.062.900	1.054.169.299.300
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(1.553.321.234.041)	(1.840.595.590.473)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		888.449.386.285	762.988.885.780
09	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(802.952.798)	(742.160.264)
12	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		4.940.499.730	10.318.526.444
13	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(5.036.606.670)	(11.471.444.317)
20	Giảm tiền thuần trong năm		747.155.406	(25.332.483.530)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		80.859.095.755	106.191.579.285
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		80.859.095.755	106.191.579.285
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.5	75.536.928.227	92.848.760.293
33	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	25.5	3.880.407.896	10.748.311.760
34	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	25.5	2.276.846	2.106.573
35	- Tiền gửi của tổ chức phát hành	25.6	1.439.482.786	2.592.400.659

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B03a-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		81.606.251.161	80.859.095.755
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		81.606.251.161	80.859.095.755
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.5	66.826.436.210	75.536.928.227
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	25.5	13.433.982.025	3.880.407.896
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	25.5	2.457.080	2.276.846
45	- Tiền gửi của tổ chức phát hành	25.6	1.343.375.846	1.439.482.786



Bà Huỳnh Thị Thanh Trà
Người lập



Bà Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán Trưởng




Ông Dương Thế Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

B04-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số (tăng)/giảm				Số cuối năm	
		Ngày 1/1/2018 VND	Ngày 1/1/2019 VND	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/12/2018 VND	Ngày 31/12/2019 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	24.1	500.000.000.000	500.000.000.000	-	-	-	-	500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		8.902.712.767	8.902.712.767	-	-	-	-	8.902.712.767	8.902.712.767
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		8.902.712.768	8.902.712.768	-	-	-	-	8.902.712.768	8.902.712.768
4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.770.434.156	11.770.434.156	-	-	-	-	11.770.434.156	11.770.434.156
Quỹ đầu tư phát triển		3.139.071.388	3.139.071.388	-	-	-	-	3.139.071.388	3.139.071.388
Quỹ đào tạo		8.631.362.768	8.631.362.768	-	-	-	-	8.631.362.768	8.631.362.768
5. Lỗ lũy kế	24.2	(329.107.390.003)	(324.432.993.523)	17.559.840.201	(12.885.443.721)	3.325.870.369	(3.144.654.121)	(324.432.993.523)	(324.251.777.275)
Lỗ đã thực hiện		(300.695.732.673)	(313.581.176.394)	-	(12.885.443.721)	-	-	(313.581.176.394)	(316.725.830.515)
Lỗ chưa thực hiện		(28.411.657.330)	(10.851.817.129)	17.559.840.201	-	3.325.870.369	-	(10.851.817.129)	(7.525.946.760)
TỔNG CỘNG		200.468.469.688	205.142.866.168	17.559.840.201	(12.885.443.721)	3.325.870.369	(3.144.654.121)	205.142.866.168	205.324.082.416



Bà Huỳnh Thị Thanh Trà
Người lập



Bà Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán Trưởng



Ông Dương Thế Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104000059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 5 năm 2003 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 12/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 5 năm 2003 và theo các Giấy phép Hoạt động Kinh doanh điều chỉnh khác.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tư doanh chứng khoán, lưu ký và quản lý sổ cổ đông, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và 2 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Tổng số nhân viên đang làm việc cho công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 76 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 62 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu riêng là 205.324.082.416 VND và tổng tài sản riêng là 209.612.844.923 VND.

Công ty con

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán Đông Á

Công ty sở hữu 100% vốn đối với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á ("DAC") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép số 20/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày ngày 24 tháng 9 năm 2007. DAC có trụ sở chính tại số 56 - 58 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, UBCKNN đã gửi DAC Công văn số 1601/UBCK-QLQ về việc giải thể DAC, xác nhận việc giải thể của DAC đồng thời đề nghị DAC tổ chức thực hiện thanh lý tài sản, giải thể công ty và thông báo kết quả thanh lý tài sản, giải thể công ty theo quy định của Pháp luật.

Ngày 2 tháng 5 năm 2019, Công ty đã thực hiện thoái vốn khỏi DAC. Theo đó, DAC đã thực hiện chuyển toàn bộ tài sản ròng còn lại về Công ty, đồng thời Biên bản xác định trách nhiệm pháp lý sau giải thể ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Công ty đã xác định toàn bộ nghĩa vụ tài chính (nếu có) phát sinh sau đó của DAC sẽ do Công ty, thông qua người đại diện theo pháp luật là Ông Nguyễn Quốc Toàn, chịu trách nhiệm. Ngày 23 tháng 10 năm 2019, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Thông báo số 20995/TB-CT thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế của DAC kể từ ngày 23 tháng 10 năm 2019. Theo đó, ngày 2 tháng 3 năm 2020, UBCKNN đã ban hành Quyết định số 134/QĐ-UBCK, quyết định thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của DAC.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính

Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty có duy nhất một công ty con là DAC và đã hoàn thành thoái khoản đầu tư vào công ty con vào ngày 2 tháng 5 năm 2019 (*Thuyết minh 1*). Theo quy định tại Điều 48, Thông tư số 202/2014/TT-BTC - Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty không phải lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tình hình tài chính riêng, báo cáo kết quả hoạt động riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty phát sinh khoản lỗ lũy kế chiếm khoảng 65% vốn đầu tư của chủ sở hữu và vượt giới hạn đầu tư theo quy định của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và Thông tư số 07/2016/TT-BTC. Điều này tiềm ẩn rủi ro Công ty có thể bị phạt hoặc rút giấy phép hoạt động kinh doanh đối với một số nghiệp vụ theo các quy định hiện hành. Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng hoạt động liên tục của Công ty liên quan đến vấn đề này như sau:

- ▶ Khoản lỗ lũy kế đã phát sinh từ nhiều năm trước, chủ yếu là do các khoản đầu tư góp vốn vào các tổ chức chưa niêm yết. Hiện nay, hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư và giao dịch ký quỹ chứng khoán. Vốn chủ sở hữu còn lại đủ để Công ty thực hiện những nghiệp vụ này. Bên cạnh đó, Tổng Giám đốc Công ty đang nỗ lực duy trì hoạt động kinh doanh như tiếp tục tìm kiếm thu hút khách hàng mới, kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động kinh doanh, tăng cường tìm kiếm cơ hội để phát triển mảng tư vấn đầu tư.
- ▶ Công ty đã có văn bản giải trình với UBCKNN về việc vượt giới hạn đầu tư và đang thực hiện các biện pháp xử lý nhằm giảm tỷ lệ đầu tư về đúng mức quy định.

Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty vẫn tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Do vậy, báo cáo tài chính riêng này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Thông tư số 48/2019/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Ngày 8 tháng 8 năm 2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 48") hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư, dự phòng tổn thất nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng làm cơ sở xác định khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán (tiếp theo)

Các thay đổi chính của Thông tư 48 bao gồm:

- Sửa đổi, bổ sung cách xác định dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác vào tổ chức kinh tế trong nước; và
- Bổ sung các trường hợp được phép trích lập dự phòng cho các khoản phải thu.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2019 và áp dụng từ năm tài chính 2019, thay thế cho Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009, Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2011 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính riêng.

3.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động riêng ngay khi phát sinh.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động riêng;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính riêng. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

3.5 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá bình quân gia quyền của các giá giao dịch thực hiện theo phương pháp khớp lệnh liên tục của ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (3) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính (tiếp theo)

- ▶ Các chứng khoán và các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế trong nước không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC và Thông tư số 48/2019/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích dự} \\ \text{phòng cho} \\ \text{từng khoản} \\ \text{đầu tư} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ sở hữu vốn} \\ \text{điều lệ thực góp (\%)} \\ \text{của doanh nghiệp tại} \\ \text{tổ chức kinh tế nhận} \\ \text{vốn góp tại thời điểm} \\ \text{trích lập dự phòng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Vốn đầu tư thực tế} \\ \text{của các chủ sở hữu} \\ \text{ở tổ chức kinh tế} \\ \text{nhận vốn góp tại} \\ \text{thời điểm trích lập} \\ \text{dự phòng} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở hữu} \\ \text{của tổ chức kinh} \\ \text{tế nhận vốn góp} \\ \text{tại thời điểm trích} \\ \text{lập dự phòng} \end{array}$$

Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó.

3.6 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh, các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

3.7 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Phân loại lại tài sản tài chính (tiếp theo)

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng - Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý.

3.8 Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tình hình tài chính riêng của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các công ty con được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động riêng.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào công ty con được lập riêng cho từng khoản đầu tư có tổn thất, và được xem xét vào cuối kỳ kế toán năm. Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con nếu khoản đầu tư bị tổn thất do các công ty con bị lỗ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua, bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng. Cuối kỳ kế toán, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính dài hạn được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, trừ trường hợp lỗ trong kế hoạch, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế tại ngày lập báo cáo. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính dài hạn được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không phải lập dự phòng.

3.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay" trong năm.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 10 tháng 10 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.10 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng.

3.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng.

3.12 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 6 năm
Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 4 năm
Phần mềm kế toán và giao dịch chứng khoán	3 - 5 năm
Phần mềm ứng dụng khác	3 - 8 năm

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần từ ba (3) đến ba mươi sáu (36) tháng vào báo cáo kết quả hoạt động riêng:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Lợi ích của nhân viên

3.15.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản và phụ cấp hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

3.15.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm công việc hoàn thành căn cứ theo chi phí phát sinh thực tế so với chi phí dự kiến hoặc dựa vào khối lượng công việc hoàn thành thực tế của dự án. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí phát sinh thực tế đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

3.18 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 *Vốn chủ sở hữu*

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lỗ đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán năm là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động riêng thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lỗ đã thực hiện của kỳ kế toán năm là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động riêng của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ sau đây thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Điều lệ Công ty:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ đầu tư phát triển	10%	Không có
Quỹ đào tạo	5%	Không có

Việc trích lập các quỹ chỉ thực hiện hàng năm dựa trên số liệu trên báo cáo tài chính riêng của năm đó được kiểm toán.

3.21 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này, theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, là các khoản mục không có số dư.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Tiền	2.116.328.698	16.853.973.590
Tiền mặt tại quỹ	27.386.101	23.835.943
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	2.087.922.015	16.821.742.365
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.020.582	8.395.282
Các khoản tương đương tiền	9.200.000.000	58.200.000.000
	11.316.328.698	75.053.973.590

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu và Ngân hàng TMCP Tiên Phong với lãi suất từ 5,0%/năm đến 5,5%/năm.

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<i>Khối lượng giao dịch</i> <i>thực hiện trong năm</i> <i>(đơn vị)</i>	<i>Giá trị giao dịch thực</i> <i>hiện trong năm</i> <i>(VND)</i>
Của Công ty		
- Cổ phiếu	138.600	2.299.070.000
Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	215.392.418	2.887.466.467.900
- Chứng khoán khác	631.080	520.489.600
	216.162.098	2.890.286.027.500

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

6.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	1.771.135.800	4.753.814.890	3.701.599.080	3.835.321.870
Công ty CP Cấp nước Nhà Bè (NBW)	920.673.600	2.476.054.000	920.673.600	1.088.068.800
Công ty CP Cấp nước Gia Định (GDW)	838.064.600	2.258.750.000	838.064.600	1.125.900.000
Công ty CP Cấp nước Bến Thành (BTW)	-	-	1.226.160.000	1.357.200.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại Thủy sản (ICF)	-	-	704.026.200	244.200.000
Khác	12.397.600	19.010.890	12.674.680	19.953.070
Cổ phiếu chưa niêm yết	21.397.668.777	10.889.042.927	20.693.365.497	9.707.825.578
Công ty CP Đầu tư Vina (Vina Invest)	7.750.000.000	2.639.442.825	7.750.000.000	2.639.442.825
Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh (HSI)	7.364.898.000	1.125.888.000	7.364.898.000	1.501.184.000
Công ty CP Nhựa Sài Gòn (NSG)	3.423.816.000	4.102.920.000	3.423.816.000	3.480.408.000
Công ty CP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (SPC)	1.461.545.600	2.656.400.000	1.461.545.600	1.867.600.000
Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VIS)	687.200.000	229.522.202	687.200.000	216.695.753
Công ty CP Đầu tư Thương mại Thủy sản (ICF)	704.026.200	132.000.000	-	-
Khác	6.182.977	2.869.900	5.905.897	2.495.000
Tiền gửi có kỳ hạn	59.200.000.000	59.200.000.000	29.400.000.000	29.400.000.000
	82.368.804.577	74.842.857.817	53.794.964.577	42.943.147.448

6.2 Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (* VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (* VND
Cho vay hoạt động ký quỹ chứng khoán	79.571.010.106	79.571.010.106	-	-
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	2.086.753.000	2.086.753.000	830.952.000	830.952.000
	81.657.763.106	81.657.763.106	830.952.000	830.952.000

(*) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của các khoản cho vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.3 Tính hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
FVTPL								
Cổ phiếu								
1. Cổ phiếu niêm yết								
Công ty CP Cấp nước Nhà bè (NBW)	920.673.600	1.555.380.400	-	2.476.054.000	920.673.600	167.395.200	-	1.088.068.800
Công ty CP Cấp nước Gia Định (GDW)	838.064.600	1.420.685.400	-	2.258.750.000	838.064.600	287.835.400	-	1.125.900.000
Công ty CP Cấp nước Bến Thành (BTW)	-	-	-	-	1.226.160.000	131.040.000	-	1.357.200.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại Thủy sản (ICF)	12.397.600	8.873.400	(2.260.110)	19.010.890	704.026.200	9.290.230	(459.826.200)	244.200.000
Khác	1.771.135.800	2.984.939.200	(2.260.110)	4.753.814.890	3.701.599.080	595.560.830	(461.838.040)	3.835.321.870
2. Cổ phiếu chưa niêm yết								
Công ty CP Đầu tư Vina (Vina Invest)	7.750.000.000	-	(5.110.557.175)	2.639.442.825	7.750.000.000	-	(5.110.557.175)	2.639.442.825
Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh (HSI)	7.364.898.000	-	(6.239.010.000)	1.125.888.000	7.364.898.000	-	(5.863.714.000)	1.501.184.000
Công ty CP Nhựa Sài Gòn (NSG)	3.423.816.000	679.104.000	-	4.102.920.000	3.423.816.000	56.592.000	-	3.480.408.000
Công ty CP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (SPC) Việt Nam (VIS)	1.461.545.600	1.194.854.400	-	2.656.400.000	1.461.545.600	406.054.400	-	1.867.600.000
Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VIS)	687.200.000	-	(457.677.798)	229.522.202	687.200.000	-	(470.504.247)	216.695.753
Công ty CP Đầu tư Thương mại Thủy sản (ICF)	704.026.200	-	(572.026.200)	132.000.000	-	394.070	(3.804.967)	2.495.000
Khác	6.182.977	663.290	(3.976.367)	2.869.900	5.905.897	-	-	-
	21.397.668.777	1.874.621.690	(12.383.247.540)	10.889.042.927	20.693.365.497	463.040.470	(11.448.580.389)	9.707.825.578
	59.200.000.000	-	-	59.200.000.000	29.400.000.000	-	-	29.400.000.000
	82.368.804.577	4.859.560.390	(12.385.507.650)	74.842.857.817	53.794.964.577	1.058.601.300	(11.910.418.429)	42.943.147.448
Tiền gửi có kỳ hạn								

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu bán các tài sản tài chính (*)	15.252.400.000	15.252.400.000
<i>Chi tiết như sau:</i>		
- Hoàng Thị Duyên	5.252.400.000	5.252.400.000
- Nguyễn Huy Dũng	4.300.000.000	4.300.000.000
- Nguyễn Thị Bích Thủy	3.300.000.000	3.300.000.000
- Lý Đỗ Nhã Phương	2.400.000.000	2.400.000.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	1.664.167.279	955.766.027
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	918.722.194	955.766.027
- Lãi dự thu cho vay ký quỹ chứng khoán	745.445.085	-
	16.916.567.279	16.208.166.027

(*) Khoản mục này bao gồm các khoản phải thu bán các tài sản tài chính được Công ty đánh giá là không có khả năng thu hồi. Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản phải thu này.

8. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CUNG CẤP

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	9.912.204.885	9.898.875.035
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	642.316.747	700.104.670
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	258.600.000	295.700.000
Các khoản phải thu khác	40.212.122	22.212.122
	10.853.333.754	10.916.891.827

Bao gồm trong phải thu hoạt động môi giới chứng khoán là khoản phải thu các nhân viên của Công ty trị giá 9.889.631.272 đồng do các nhân viên này đã không tuân thủ các quy trình nghiệp vụ và chính sách của Công ty trong việc thực hiện các giao dịch và làm việc với khách hàng dẫn đến sai sót. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ số tiền chưa thu được dựa trên đánh giá khả năng thu hồi của khoản phải thu này.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu khách hàng về đặt cọc mua chứng khoán chưa niêm yết (i)	31.600.000.000	31.600.000.000
- Đặng Thị Kim Liên	16.300.000.000	16.300.000.000
- Võ Văn Tâm	15.300.000.000	15.300.000.000
Các khoản phải thu khác (ii)	537.490.983	19.982.159.688
	<u>32.137.490.983</u>	<u>51.582.159.688</u>

- (i) Các khoản phải thu khách hàng về đặt cọc mua chứng khoán chưa niêm yết được Công ty đánh giá là không có khả năng thu hồi. Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ các khoản phải thu này.
- (ii) Trong năm 2019, Công ty đã thu hồi khoản tạm ứng thanh toán về thuế thu nhập chuyển nhượng chứng khoán với số tiền 19.444.668.705 đồng.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Giá trị phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	Số dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	Thay đổi số dự phòng trong năm Số trích lập Số hoàn nhập VND VND	Số dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Giá trị phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Dự phòng phải thu khách hàng về đặt cọc mua chứng khoán khó đòi	31.600.000.000	31.600.000.000	-	31.600.000.000	31.600.000.000
Dự phòng phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	9.889.631.272	9.889.631.272	-	9.889.631.272	9.889.631.272
Dự phòng phải thu bán các tài sản tài chính khó đòi	15.252.400.000	15.252.400.000	-	15.252.400.000	15.252.400.000
Dự phòng phải thu tài sản thiếu chờ xử lý	477.211.431	477.211.431	-	477.211.431	477.211.431
Dự phòng phải thu hoạt động tư vấn tài chính	201.000.000	183.000.000	68.857.397 (42.000.000)	209.857.397	209.857.397
	57.420.242.703	57.402.242.703	68.857.397 (42.000.000)	57.429.100.100	57.429.100.100

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	295.984.999	186.006.160
- Phí bảo trì hệ thống	18.666.774	115.612.000
- Phí thuê đường truyền và internet	93.812.031	40.979.687
- Thiết bị tin học	70.978.400	-
- Phí dịch vụ khách hàng	47.665.742	-
- Phí dịch vụ khác	64.862.052	29.414.473
Chi phí trả trước dài hạn	67.776.818	118.534.818
- Chi phí sửa chữa văn phòng	33.864.000	51.528.000
- Chi phí trả trước mua công cụ, dụng cụ	6.388.818	22.268.818
- Chi phí trả trước khác	27.524.000	44.738.000
	363.761.817	304.540.978

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Đầu tư vào công ty con	-	-	30.000.000.000	1.120.513.904	(*)
Đầu tư dài hạn khác	138.027.158.556	112.531.162.087	140.268.158.556	112.438.176.470	(*)
Công ty Cổ phần Kim khí Hưng Thịnh Phát	33.140.516.000	33.140.516.000	33.140.516.000	33.140.516.000	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Thủy sản Á Châu (ACF)	30.860.999.556	30.860.999.556	30.860.999.556	30.860.999.556	(*)
Công ty Cổ phần An Tôn Nguyễn	23.000.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Vật liệu Tự dính Việt Nam	16.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	12.100.000.000	1.825.630.914	12.100.000.000	1.825.630.914	(*)
Công ty Cổ phần Sóng Việt	8.183.300.000	-	8.183.300.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Tam Quan Bình Định	3.990.000.000	3.990.000.000	3.990.000.000	3.990.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Bất động sản DIC (DIC-Resco)	3.817.280.000	-	3.817.280.000	-	(*)
Công ty Cổ phần SX XNK Lâm sản - Tiêu thụ CN (Upexim)	2.873.475.000	2.873.475.000	2.873.475.000	2.873.475.000	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế (ITC)	1.600.000.000	-	1.600.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Địa ốc 9	1.415.011.000	92.985.617	1.415.011.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (Petec)	1.046.577.000	747.555.000	1.046.577.000	747.555.000	299.022.000
Công ty Cổ phần Địa ốc 10	-	-	2.241.000.000	-	(*)
	138.027.158.556	112.531.162.087	170.268.158.556	113.558.690.374	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và hiện tại không có hướng dẫn cụ thể về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

Theo quy định tại khoản 4, Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC, công ty chứng khoán không được sử dụng quá 15% vốn chủ sở hữu để góp vốn vào một tổ chức khác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đang có một khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí Hưng Thịnh Phát với giá trị 33.140.516.000 đồng chiếm tỷ lệ 16% vốn chủ sở hữu (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 là 33.140.516.000 đồng chiếm tỷ lệ 16% vốn chủ sở hữu), vượt quá tỷ lệ giới hạn theo các quy định hiện hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có khoản đầu tư chứng khoán FVTPL với giá trị là 15.642.857.817 đồng (trong đó đầu tư FVTPL vào công ty niêm yết và chưa niêm yết với giá trị là lần lượt là 4.753.814.890 đồng và 10.889.042.927 đồng) (*Thuyết minh 6.1*) và các khoản đầu tư dài hạn khác vào các công ty chưa niêm yết với giá trị là 138.027.158.556 đồng, do đó tổng giá trị đầu tư góp vốn sở hữu công ty khác của Công ty là 153.670.016.373 đồng và đầu tư vào các công ty chưa niêm yết là 148.916.201.483 đồng, chiếm tỷ lệ lần lượt là 75% và 73% vốn chủ sở hữu, vượt tỷ lệ đầu tư tối đa theo quy định theo quy định tại khoản 3, Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn về thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC. Theo đó, công ty chứng khoán không được sử dụng quá 70% vốn chủ sở hữu để góp vốn đầu tư vào các tổ chức khác, trong đó đầu tư vào các công ty chưa niêm yết không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu. Việc vượt tỷ lệ đầu tư tối đa theo quy định chủ yếu do các khoản đầu tư phát sinh từ trước khi Thông tư số 210/2012/TT-BTC được ban hành. Công ty đã có văn bản giải trình với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này và đang thực hiện các biện pháp xử lý nhằm giảm tỷ lệ đầu tư về đúng mức quy định.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	1.325.552.000	745.181.746	2.545.882.721	9.107.308.844	399.458.572	14.123.383.883
Tăng trong năm	-	-	306.570.000	-	-	306.570.000
Thanh lý, nhượng bán	(31.185.000)	-	-	(791.604.161)	(64.163.636)	(886.952.797)
Tăng khác	-	400.000.000	486.422.352	966.097.000	-	1.852.519.352
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	1.294.367.000	1.145.181.746	3.338.875.073	9.281.801.683	335.294.936	15.395.520.438
Khấu hao lũy kế						
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	1.325.552.000	745.181.746	2.423.400.721	9.099.050.844	399.458.572	13.992.643.883
Khấu hao trong năm	-	-	64.492.000	8.258.000	-	72.750.000
Thanh lý, nhượng bán	(31.185.000)	-	-	(791.604.161)	(64.163.636)	(886.952.797)
Tăng khác	-	400.000.000	486.422.352	966.097.000	-	1.852.519.352
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	1.294.367.000	1.145.181.746	2.974.315.073	9.281.801.683	335.294.936	15.030.960.438
Giá trị còn lại						
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	-	-	122.482.000	8.258.000	-	130.740.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	-	-	364.560.000	-	-	364.560.000

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 14.957.450.438 đồng (31 tháng 12 năm 2018: 13.937.125.883 đồng).

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm kế toán và giao dịch chứng khoán VND</i>	<i>Phần mềm ứng dụng khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	8.699.456.174	6.699.080.760	15.398.536.934
Tăng trong năm	325.000.000	-	325.000.000
Tăng khác	-	144.000.000	144.000.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	9.024.456.174	6.843.080.760	15.867.536.934
Hao mòn lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	8.529.569.944	6.621.302.760	15.150.872.704
Hao mòn trong năm	183.129.000	26.664.000	209.793.000
Tăng khác	-	144.000.000	144.000.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	8.712.698.944	6.791.966.760	15.504.665.704
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	169.886.230	77.778.000	247.664.230
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	311.757.230	51.114.000	362.871.230

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 15.167.019.704 đồng (31 tháng 12 năm 2018: 14.916.019.704 đồng).

15. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền nợ ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nợ bổ sung	7.025.181.805	7.274.808.906
Tiền lãi phân bổ	4.847.706.878	4.256.269.883
	11.992.888.683	11.651.078.789

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	104.933.440	51.250.379
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	69.822.394	92.100.839
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	596.500	596.500
	175.352.334	143.947.718

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thiết kế website	46.013.113	46.013.113
Phí duy trì nội thất	44.716.775	44.716.775
Các khoản phải trả người bán khác	14.276.885	120.087.186
	105.006.773	210.817.074

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	30.941.570	260.827.259	(265.007.671)	26.761.158
Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)	346.771.410	1.807.938.252	(1.735.150.982)	419.558.680
- Thuế TNCN của nhân viên	272.477.687	293.585.047	(289.710.436)	276.352.298
- Thuế TNCN của nhà đầu tư	72.465.982	1.455.875.771	(1.393.847.406)	134.494.347
- Thuế TNCN khác	1.827.741	58.477.434	(51.593.140)	8.712.035
Các loại thuế khác	-	17.513.509	(17.513.509)	-
	377.712.980	2.086.279.020	(2.017.672.162)	446.319.838

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Khoa bán công Kỹ thuật cao	140.000.000	140.000.000
Công ty Cổ phần Giấy Tân Mai	110.000.000	110.000.000
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Bột Mì	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Văn hóa Sài Gòn	-	210.000.000
Các khoản người mua trả tiền trước khác	<u>760.162.000</u>	<u>1.044.162.000</u>
	<u>1.110.162.000</u>	<u>1.604.162.000</u>

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Lương tháng 13	608.956.685	602.280.060
Lương kinh doanh bộ phận Ngân hàng đầu tư	155.781.817	196.778.487
Lương và phụ cấp khác	88.820.435	90.337.603
	<u>853.558.937</u>	<u>889.396.150</u>

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Chi phí phải trả dịch vụ chuyên môn	150.000.000	150.000.000
Phải trả Ngân hàng mẹ	106.343.247	-
Chi phí phải trả khác	164.206.667	111.534.000
	<u>420.549.914</u>	<u>261.534.000</u>

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả đặt cọc theo hợp đồng tư vấn đầu tư	825.458.131	824.004.531
Các khoản phải trả, phải nộp khác	100.401.335	92.209.364
	<u>925.859.466</u>	<u>916.213.895</u>

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	7.992.197	7.992.197
Sử dụng trong năm	7.000.000	-
Số cuối năm	992.197	7.992.197

24. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

24.1 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên góp vốn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	500.000.000.000	500.000.000.000

24.2 *Lỗ lũy kế*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lỗ đã thực hiện	316.725.830.515	313.581.176.394
Lỗ chưa thực hiện	7.525.946.760	10.851.817.129
Lỗ lũy kế	324.251.777.275	324.432.993.523

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

25.1 *Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Công ty*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	16.097.630.000	17.033.360.000

25.2 *Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Công ty*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu (mệnh giá)	72.390.130.000	72.477.210.000

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

25.3 Tài sản tài chính niêm yết/dăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.901.988.240.000	1.796.809.510.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	114.378.610.000	356.099.020.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	26.063.410.000	21.867.970.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	7.893.270.000	3.058.430.000
	2.050.323.530.000	2.177.834.930.000

25.4 Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	4.941.640.000	14.807.850.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	-	300.000.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	282.950.000	282.950.000
	5.224.590.000	15.390.800.000

25.5 Tiền gửi của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	66.826.436.210	75.536.928.227
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	66.512.632.501	75.247.439.997
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	313.803.709	289.488.230
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	13.433.982.025	3.880.407.896
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	2.457.080	2.276.846
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	1.000.000	1.000.000
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	1.457.080	1.276.846
	80.262.875.315	79.419.612.969

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

25.6 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	1.343.375.846	1.439.482.786

25.7 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	67.048.816.460	75.710.595.069
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	66.732.538.638	75.418.818.574
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	316.277.822	291.776.495
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	13.211.944.800	3.709.017.900
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	13.211.944.800	3.709.017.900
Phải trả khác của Nhà đầu tư	2.114.055	-
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	2.114.055	-
	80.262.875.315	79.419.612.969

25.8 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	1.343.375.846	1.439.482.786

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

26.1. Lãi/lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

Chi tiết lãi/lỗ từ bán các tài sản tài chính FVTPL trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

STT	Danh mục các tài sản tài chính	Số lượng bán cổ phiếu	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/lỗ) bán chứng khoán năm nay VND
1.	Cổ phiếu niêm yết Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	93.600	1.826.570.000	13.100	600.410.000
2.	Cổ phiếu chưa niêm yết Công ty Cổ phần Địa ốc 10	45.000	472.500.000	49.800	(1.768.500.000)
		138.600	2.299.070.000		(1.168.090.000)

Trong đó:

Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

600.410.000
(1.768.500.000)

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.1. Lãi/lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

Chi tiết lãi/lỗ từ bán các tài sản tài chính FVTPL trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

STT	Danh mục các tài sản tài chính	Số lượng bán cổ phiếu	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân giá quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước VND
1.	Cổ phiếu niêm yết				
	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lương Tài (LUT)	1.647.400	4.118.500.000	12.348	(16.224.152.000)
	Công ty Cổ phần Tập đoàn VINGROUP (VIC)	10	1.107.000	40.598	701.020
	Cổ phiếu niêm yết khác	40	518.000	42.731	(1.191.240)
2.	Cổ phiếu chưa niêm yết				
	Công ty Cổ phần In và Thương mại Vina (VPR)	400.920	6.213.000.000	20.423	(1.975.020.000)
		2.048.370	10.333.125.000		(18.199.662.220)

Trong đó:

Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL

Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

701.020
(18.200.363.240)

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. LÃI LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các tài sản tài chính	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán năm nay VND
I	FVTPL	23.168.804.577	15.642.857.817	(7.525.946.760)	(10.851.817.129)	3.325.870.369
1	Cổ phiếu niêm yết	1.771.135.800	4.753.814.890	2.982.679.090	133.722.790	2.848.956.300
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	21.397.668.777	10.889.042.927	(10.508.625.850)	(10.985.539.919)	476.914.069
	Trong đó:					
	- Chênh lệch tăng					3.800.959.590
	- Chênh lệch giảm					(475.089.221)
II	Các khoản cho vay và phải thu	81.657.763.106	81.657.763.106	-	-	-
		104.826.567.683	97.300.620.923	(7.525.946.760)	(10.851.817.129)	3.325.870.369

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.3. *Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay và phải thu*

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	7.584.854.421	5.495.650.287
Từ các khoản cho vay và phải thu	1.795.233.884	141.020.422
	9.380.088.305	5.636.670.709

26.4. *Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính*

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	4.482.420.434	5.381.769.591
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	2.258.750.577	2.328.645.593
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	880.943.948	1.018.000.176
Thu nhập từ hoạt động khác	11.525.743	10.926.000
	7.633.640.702	8.739.341.360

27. DOANH THU, DỰ THU CỔ TỨC, LÃI TIỀN GỬI KHÔNG CÓ ĐỊNH

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	807.347.091	842.125.396
Doanh thu, dự thu cổ tức phát sinh trong năm	207.446.400	414.075.140
	1.014.793.491	1.256.200.536

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	5.593.437.629	4.511.306.744
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.278.713.645	1.553.840.944
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1.465.878.750	1.520.338.865
Chi phí các dịch vụ khác	88.636.900	518.101.893
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí dự phòng phải thu tài sản thiếu chờ xử lý và phải thu hoạt động tư vấn tài chính</i>	<u>26.857.397</u>	<u>520.711.431</u>
	<u>8.426.666.924</u>	<u>8.103.588.446</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con	622.614.420	-
Chi phí đầu tư khác	11.000	-
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	<u>(1.027.528.287)</u>	<u>(9.360.775.709)</u>
	<u>(404.902.867)</u>	<u>(9.360.775.709)</u>

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.401.623.617	6.514.191.643
<i>Lương và các khoản phúc lợi</i>	5.700.913.117	5.781.903.643
<i>BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN</i>	700.710.500	732.288.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.170.891.563	4.197.452.915
Chi phí công cụ, dụng cụ	113.218.049	44.884.281
Chi phí khấu hao TSCĐ	102.687.000	50.507.891
Chi phí văn phòng phẩm	53.055.546	49.275.134
Chi phí thuế, phí và lệ phí	9.060.000	16.000.000
Chi phí khác	90.791.961	28.056.250
	<u>10.941.327.736</u>	<u>10.900.368.114</u>

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế (năm trước: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	181.216.248	4.674.396.480
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	36.243.250	934.879.296
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Chi phí không được khấu trừ	141.655.223	31.106.361
- Giảm chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	-	73.804.418
Các khoản điều chỉnh giảm		
- Thu nhập từ cổ tức	(153.208.490)	(160.190.780)
- Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(760.191.918)	-
	(735.501.935)	879.599.295
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận	735.501.935	-
Chi phí thuế TNDN được sử dụng	-	(879.599.295)
Chi phí thuế TNDN trong năm	-	-

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.2 Chuyển lỗ

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản lỗ tính thuế lũy kế là 70.099.611.127 đồng có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

<u>Năm phát sinh</u>	<u>Có thể chuyển lỗ đến năm</u>	<u>Lỗ tính thuế VND</u>	<u>Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2019 VND</u>	<u>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2019 VND</u>
2014	2019	39.373.392.667	-	-
2015	2020	53.072.605.732	-	53.072.605.732
2017	2022	13.349.495.720	-	13.349.495.720
2019	2024	3.677.509.675	-	3.677.509.675
		109.473.003.794	-	70.099.611.127

Các khoản lỗ tính thuế trên được ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế mang sang này do không thể chắc chắn sẽ có đầy đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng khoản lợi ích thuế này.

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

32.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Ngân hàng TMCP Đông Á (DAB)	Ngân hàng mẹ	Thu lãi tiền gửi	7.575.397	11.525.485
		Trả phí ngân hàng	13.274.834	12.999.313
		Chi thuê mặt bằng	1.601.343.512	2.153.369.866
		Tặng tiền gửi của nhà đầu tư	803.168.999.845	1.194.629.799.004
		Giảm tiền gửi của nhà đầu tư	809.610.068.001	1.192.533.180.364
		Gửi tiền vào tài khoản thanh toán của Công ty	167.079.961.643	222.335.677.444
		Rút tiền từ tài khoản thanh toán của Công ty	166.485.868.532	222.102.464.544
Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Đông Á (DAC)	Công ty con	Chi lãi tiền gửi giao dịch chứng khoán	-	4.695.350
		Thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	102.097.624
		Thanh toán giao dịch chuyển nhượng cổ phần	-	3.423.883.200
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)	Cổ đông lớn của Ngân hàng mẹ	Thu cổ tức trong năm	12.400	12.000

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

Thu nhập của Tổng Giám đốc trong năm là 841.064.000 đồng (năm trước: 884.852.760 đồng).

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và (phải trả) với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Ngân hàng TMCP Đông Á (DAB)	Ngân hàng mẹ	Tiền gửi của nhà đầu tư	10.969.477.517	17.410.545.673
		Tiền gửi của Công ty	1.177.855.278	583.762.167
		Phải trả hộ cổ tức	984.628.858	984.628.858
		Phải trả chi phí thuê mặt bằng	(68.800.000)	-
		Phải trả khác	(37.543.247)	-
Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Đông Á (DAC)	Công ty con	Phải trả	-	(62.895.259)

32.2 *Thông tin báo cáo bộ phận*

Tổng Giám đốc tập trung việc quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động trên khía cạnh toàn Công ty và chưa tiến hành xem xét và đánh giá theo từng bộ phận kinh doanh, do đó Tổng Giám đốc quyết định không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và trình bày thông tin này.

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

32.3 *Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Thành viên của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính sẽ bị thay đổi và ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản ứng trước tiền bán cho khách hàng, cho vay ký quỹ chứng khoán) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu các hình thức đảm bảo hoặc bảo hiểm tín dụng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng cho toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Dưới 3 tháng VND	3 - 6 tháng VND	6 - 12 tháng VND		
Ngày 31 tháng 12 năm 2019						
Các khoản cho vay	81.657.763.106	-	-	-	-	81.657.763.106
Tài sản tài chính khác	2.617.799.416	-	-	-	-	60.046.899.516
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	-	-	-	-	15.252.400.000
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	801.702.482	-	-	-	-	10.051.631.272
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	1.664.167.279	-	-	-	-	1.664.167.279
Trả trước cho người bán	126.007.500	-	-	-	-	126.007.500
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	13.500.000	-	-	-	-	13.500.000
Phải thu khác	12.422.155	-	-	-	-	32.137.490.983
	84.275.562.522	-	-	-	-	141.704.662.622

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Các khoản đầu tư FVTPL	-	15.642.857.817	59.200.000.000	-	-	74.842.857.817
Cổ phiếu niêm yết	-	4.753.814.890	-	-	-	4.753.814.890
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	10.889.042.927	-	-	-	10.889.042.927
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	59.200.000.000	-	-	59.200.000.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	-	299.022.000	-	-	25.196.974.469	25.495.996.469
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	299.022.000	-	-	25.196.974.469	25.495.996.469
Các khoản cho vay	-	-	81.657.763.106	-	-	81.657.763.106
Tài sản tài chính khác	57.429.100.100	-	2.617.799.416	-	-	60.046.899.516
Phải thu bán các tài sản tài chính	15.252.400.000	-	-	-	-	15.252.400.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	10.051.631.272	-	801.702.482	-	-	10.853.333.754
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	-	-	1.664.167.279	-	-	1.664.167.279
Trả trước cho người bán	-	-	126.007.500	-	-	126.007.500
Phải thu khác	32.125.068.828	-	25.922.155	-	-	32.150.990.983
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	2.116.328.698	9.200.000.000	-	-	11.316.328.698
	57.429.100.100	18.058.208.515	152.675.562.522	-	25.196.974.469	253.359.845.606
NỢ TÀI CHÍNH						
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-	1.110.162.000	-	-	1.110.162.000
Các khoản phải trả người lao động	-	-	853.558.937	-	-	853.558.937
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-	446.319.838	-	-	446.319.838
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	420.549.914	-	-	420.549.914
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	-	-	250.961.048	-	-	250.961.048
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	175.352.334	-	-	175.352.334
Phải trả người bán ngắn hạn	-	-	105.006.773	-	-	105.006.773
Phải trả, phải nộp khác	-	-	926.851.663	-	-	926.851.663
	-	-	4.288.762.507	-	-	4.288.762.507
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	57.429.100.100	18.058.208.515	148.386.800.015	-	25.196.974.469	249.071.083.099

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng 1 năm	1.007.890.689	182.290.689
Từ 1 đến 2 năm	825.600.000	825.600.000
	1.833.490.689	1.007.890.689

Cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng làm việc của Công ty tại các địa chỉ:

- ▶ số 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- ▶ số 8 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Bà Huỳnh Thị Thanh Trà
Người lập

Bà Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán Trưởng



Ông Dương Thế Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

